

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ M'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/DS-ST  
Ngày 19 - 11 - 2019  
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Trọng Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đoàn Quốc Bảo và bà H Lum Niê

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **54/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐST ngày 30/10/2019** giữa:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: Tháp B, quận H, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc D – Chức vụ: giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Bùi Quang L – giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đắk Lắk – PDG Cư M'Gar

**Bị đơn:** Ông Trần Văn T, sinh năm 1974, vắng mặt và bà Đặng Thị C, sinh năm 1975, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tiến hành tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 25/5/2018, Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là Ngân hàng) có cho vợ chồng ông Trần Văn T và bà Đặng Thị C (viết tắt là vợ chồng ông T, bà C) vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/ 6471605/HĐTD ký ngày 25/05/2018, số tiền vay 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), mục đích hỗ trợ tài chính đầu tư chăm sóc cà phê, tiêu, chăn nuôi, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay áp dụng lãi suất cố định 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ ông T, bà C đã thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 01/2015/6471605/HĐTC ngày 18/8/2015 đã ký giữa ông T, bà C với Ngân hàng đối với thửa đất số 172, tờ bản đồ số 3, diện tích 8820 m<sup>2</sup> tại xã X, huyện CuM'gar, được UBND huyện CuM'Gar cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 756899 ngày 13/3/2015 cho ông Trần Văn T, bà Đặng Thị C và tài sản gắn liền với đất.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông T, bà C đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi 6.760.274 đồng và còn nợ Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 288.727.739 đồng, trong đó nợ gốc 250.000.000 đồng, nợ lãi 38.727.739 đồng.

Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông T, bà C phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền số tiền 288.727.739 đồng, trong đó nợ gốc 250.000.000 đồng, nợ lãi 38.727.739 đồng và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 01/2015/6471605/HĐTC ngày 18/8/2015 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trường hợp vợ chồng ông T, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản để thu hồi nợ vay theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 01/2015/6471605/HĐTC ngày 18/8/2015 đã ký giữa vợ chồng ông T, bà C và Ngân hàng.

*Bị đơn bà Đặng Thị C trong quá trình tố tụng trình bày:*

Lời trình bày của phía nguyên đơn là đúng hoàn toàn. Vợ chồng tôi công nhận có vay của Ngân hàng số tiền **250.000.000 đồng** theo hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 01/2018/ 6471605/HĐTD ký ngày 25/05/2018 để chăm sóc cà phê, tiêu, chăn nuôi. Quá trình trả nợ bị đơn đã trả cho Ngân hàng 6.760.274 đồng tiền lãi. Nay, Ngân hàng khởi kiện, do điều kiện khó khăn nên không có tiền trả nợ cho Ngân hàng, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Trần Văn T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được, mở phiên họp vắng mặt ông T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Tuân theo đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn bà Đặng Thị C thực hiện đầy đủ quy định về quyền, nghĩa vụ tố tụng tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông Trần Văn T chưa thực hiện đầy đủ quy định về quyền, nghĩa vụ tố tụng tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 500; Điều 501; Điều 502 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Văn T và bà Đặng Thị C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền vay theo Hợp đồng tín dụng. Nếu vợ chồng ông T và bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1]. Về quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Trần Văn T hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Về nội dung:** Ngày 25/5/2018, vợ chồng ông T và bà C ký hợp đồng tín dụng số 01/2018/6471605/HĐTD ngày 25/5/2018, vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền 250.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay áp dụng lãi suất cố định 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông T và bà C đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2015/6471605/HĐTC ngày 18/8/2015 tài sản thế chấp gồm: Thửa đất số 172, tờ bản đồ số 3, diện tích 8820 m<sup>2</sup> tại xã X, huyện CưM'gar theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 756899 do UBND huyện CưM'Gar cấp ngày 13/3/2015 cho ông Trần Văn T, bà Đặng Thị C và tài sản gắn liền với đất. Xét hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/07/2010 của Chính phủ về đăng ký biện pháp giao dịch bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông T, bà C mới trả cho Ngân hàng tiền lãi được 6.760.274 đồng tiền lãi. Như vậy ông T, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, cần buộc ông T và bà C trả cho Ngân hàng số tiền 288.727.739 đồng (trong đó nợ gốc 250.000.000 đồng, nợ lãi 38.727.739 đồng).

Sau khi ông Trần Văn T và bà Đặng Thị C trả nợ xong cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông T và bà C tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2015/6471605/HĐTC ngày 18/8/2015.

Trường hợp ông Trần Văn T và bà Đặng Thị C không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Thửa đất số 172, tờ bản đồ số 3, diện tích 8820 m<sup>2</sup> tại xã X, huyện CuM'gar, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 756899 do UBND huyện CuM'Gar cấp ngày 13/3/2015 cho ông Trần Văn T, bà Đặng Thị C và tài sản gắn liền với đất.

**[3]. Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Văn T và bà Đặng Thị C phải chịu án phí theo quy định là: 288.727.739 đồng x 5% = 14.436.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 318; Điều 319; Điều 325; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc ông Trần Văn T và bà Đặng Thị C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 288.727.739 đồng (trong đó nợ gốc 250.000.000 đồng, nợ lãi 38.727.739 đồng).

Ông Trần Văn T và bà Đặng Thị C tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/ 6471605 /HĐTD ký ngày 25/05/2018, đối với khoản nợ gốc 250.000.000 đồng, kể từ ngày 20/11/2019 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Sau khi ông Trần Văn T và bà Đặng Thị C trả nợ xong cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông T và bà C tài sản đã thế chấp là: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 172, tờ bản đồ số 3, diện tích 8820 m<sup>2</sup> tại xã X, huyện CuM'gar, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 756899 do UBND huyện CuM'Gar cấp ngày 13/3/2015 cho ông Trần Văn T, bà Đặng Thị C.

Trường hợp ông Trần Văn T và bà Đặng Thị C không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 172, tờ bản đồ số 3, diện tích 8820 m<sup>2</sup> tại xã X, huyện CuM'gar theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 756899 do UBND huyện CuM'Gar cấp ngày

13/3/2015 cho ông Trần Văn T, bà Đặng Thị C và tài sản gắn liền với thửa đất trên.

**Về án phí:** Ông Trần Văn T và bà Đặng Thị C phải nộp 14.436.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại 8.800.000 đồng (Tám triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar theo biên lai thu số AA/2017/0014034 ngày 01/7/2019.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**PHAN TRỌNG PHỤNG**